

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
**PHÁP LUẬT
ĐẠI CƯƠNG**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE

GIÁO TRÌNH PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Chủ biên

GS.TS. Mai Hồng Quý

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Biên soạn

Chương I, II, VI: PGS.TS. Nguyễn Cảnh Hợp và một số giảng viên Khoa Luật Hành chính – Nhà nước

Chương III, IV: PGS.TS. Đỗ Văn Đại và một số giảng viên Khoa Luật Dân sự

Chương V: TS. Võ Thị Kim Oanh và một số giảng viên Khoa Luật Hình sự

Chương VII, VIII: PGS.TS. Nguyễn Văn Vân và một số giảng viên Khoa Luật Thương mại

Chương IX, X, XI: TS. Lê Thị Nam Giang và một số giảng viên Khoa Luật Quốc tế

Chương XII: ThS. Ngô Đức Tuấn, giảng viên Khoa Luật Hành chính – Nhà nước

Sách được xuất bản theo chỉ đạo biên soạn của Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ công tác đào tạo sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật.

Mã sách quốc tế: ISBN 978-604-54-1432-3

Bản quyền nội dung thuộc về Vụ Giáo dục Đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền xin vui lòng gửi về địa chỉ email: kehoach@nxbdhsp.edu.vn

Mã số: 01.01.144/900 – GT 2015

LỜI MỞ ĐẦU

Hiểu biết về pháp luật, tuân theo pháp luật là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay ở Việt Nam, công tác giáo dục pháp luật trong các trường học ngày càng trở nên cấp thiết, góp phần hình thành những thế hệ công dân có hiểu biết về pháp luật và có ý thức thượng tôn pháp luật.

Trong những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tích cực triển khai thực hiện Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; tiếp tục thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân; Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX)... Năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường giai đoạn 2013 – 2016” nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo, người học trong toàn ngành Giáo dục, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục.

Căn cứ Nghị quyết số 61/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân; Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc *bổ sung môn Pháp luật đại cương thành môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Vụ Giáo dục Đại học tổ chức xây dựng chương trình, giáo trình môn Pháp luật đại cương.

Giáo trình Pháp luật đại cương mà bạn đọc đang có trên tay là kết quả nghiên cứu, biên soạn công phu, nghiêm túc của nhiều tác giả là các giáo sư,

phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên có uy tín và kinh nghiệm tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm phục vụ công tác đào tạo sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật ở Việt Nam (các hệ đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên thông, từ xa, chuyên tu...). Công trình được biên soạn trên cơ sở kế thừa, phát triển kết quả nghiên cứu của các tác giả, đồng thời cập nhật những thông tin mới về lĩnh vực pháp luật ở Việt Nam cũng như trên thế giới, đáp ứng tốt nhu cầu và xu thế của việc học tập và giảng dạy pháp luật hiện nay.

Giáo trình gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Đại cương về nhà nước và pháp luật, gồm những khái niệm và lí luận chung về nhà nước, pháp luật.

Phần thứ hai: Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm các lĩnh vực: pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật kinh doanh, pháp luật đất đai, môi trường.

Phần thứ ba: Đại cương về pháp luật quốc tế, gồm những kiến thức chung về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế.

Phần thứ tư: Đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.

Nội dung của *Giáo trình Pháp luật đại cương* được biên soạn theo hướng cập nhật kiến thức mới, phát huy tính tích cực, chủ động, liên hệ với thực tiễn của người học. Bên cạnh nội dung lí thuyết, sau mỗi chương là phần Câu hỏi ôn tập, nhằm giúp người học củng cố và vận dụng những kiến thức đã được tiếp cận. Giáo trình này cũng là tài liệu cần thiết cho giáo viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông và các đối tượng quan tâm khác.

Trong quá trình biên soạn, do những hạn chế khách quan và chủ quan nên vẫn còn nội dung cần tiếp tục bổ sung và sửa đổi, Bộ Giáo dục và Đào tạo mong nhận được nhiều ý kiến góp ý để những lần xuất bản sau Giáo trình được hoàn chỉnh hơn.

Thư góp ý xin gửi về Vụ Giáo dục Đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo, 49 Đại Cồ Việt – Hà Nội hoặc Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 136 Xuân Thủy – Cầu Giấy – Hà Nội.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời mở đầu	3
Phần thứ nhất. ĐẠI CƯƠNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	9
Chương I. NHỮNG KHÁI NIỆM CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC.....	9
I. Khái niệm và đặc trưng của nhà nước	9
II. Chức năng nhà nước	13
III. Hình thức và bộ máy nhà nước	16
IV. Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	27
Chương II. NHỮNG KHÁI NIỆM CHUNG VỀ PHÁP LUẬT.....	40
I. Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật.....	40
II. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật	47
III. Quan hệ pháp luật.....	62
IV. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	71
Phần thứ hai. ĐẠI CƯƠNG VỀ CÁC LĨNH VỰC PHÁP LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	87
Chương III. PHÁP LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	87
A. Pháp luật dân sự	87
I. Những quy định chung của pháp luật dân sự	89
II. Những chế định cụ thể của pháp luật dân sự	98
B. Pháp luật tố tụng dân sự	111
I. Những quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự.....	112
II. Các thủ tục tố tụng	120
Chương IV. PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG.....	128
I. Những vấn đề chung	128
II. Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động.....	129
Chương V. PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ	148
A. Luật Hình sự	148
I. Khái niệm chung.....	148
II. Một số tội phạm trong Bộ luật Hình sự.....	156

B. Luật Tố tụng hình sự	163
I. Khái niệm Luật Tố tụng hình sự	163
II. Nhiệm vụ của Luật Tố tụng hình sự	164
III. Thủ tục giải quyết vụ án hình sự	165
Chương VI. PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH	171
A. Luật Hành chính Việt Nam	171
I. Các vấn đề chung của Luật Hành chính	171
II. Nội dung cơ bản của Luật Hành chính	174
B. Pháp luật tố tụng hành chính Việt Nam	186
I. Các vấn đề chung về Luật Tố tụng hành chính	186
II. Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính	191
Chương VII. PHÁP LUẬT KINH DOANH	197
A. Pháp luật doanh nghiệp	197
I. Khái quát về pháp luật doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp	197
II. Những vấn đề pháp lý cơ bản về các loại hình doanh nghiệp	200
III. Thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp và chấm dứt doanh nghiệp	210
B. Pháp luật thương mại	212
I. Các vấn đề chung	212
II. Các hoạt động thương mại chủ yếu	216
III. Chế tài trong thương mại	221
C. Pháp luật cạnh tranh	223
I. Các vấn đề chung	223
II. Chống cạnh tranh không lành mạnh	224
III. Kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh	225
D. Pháp luật ngân sách nhà nước	229
I. Khái quát về pháp luật ngân sách nhà nước	229
II. Nội dung cơ bản của pháp luật ngân sách nhà nước	232
E. Pháp luật thuế	234
I. Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thuế	234
II. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế	237
G. Pháp luật ngân hàng	240
I. Khái quát về hoạt động ngân hàng và pháp luật ngân hàng	240
II. Các nội dung cơ bản của pháp luật ngân hàng	241
III. Địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng	242
IV. Nội dung pháp lý về các hoạt động cấp tín dụng và dịch vụ thanh toán qua tài khoản của các tổ chức tín dụng	243

V. Hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.....	245
VI. Các quy định đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng	245
Chương VIII. PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI, MÔI TRƯỜNG	247
A. Pháp luật đất đai	247
I. Tổng quan về Luật Đất đai.....	247
II. Những nội dung cơ bản của Luật Đất đai	249
III. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất	254
B. Pháp luật môi trường	260
I. Tổng quan Luật Môi trường	260
II. Những nội dung cơ bản của Luật Môi trường	264
Phần thứ ba. ĐẠI CƯƠNG VỀ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ.....	271
Chương IX. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ	271
I. Khái niệm về công pháp quốc tế.....	271
II. Một số lĩnh vực hợp tác chủ yếu của cộng đồng quốc tế.....	277
Chương X. TƯ PHÁP QUỐC TẾ.....	286
I. Những quy định chung về tư pháp quốc tế	286
II. Thẩm quyền của toà án Việt Nam đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.....	290
III. Pháp luật áp dụng trong điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam (giải quyết xung đột pháp luật).....	294
IV. Áp dụng pháp luật nước ngoài trong điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài .	300
V. Công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tại Việt Nam	301
Chương XI. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	305
I. Khái quát về Luật Thương mại quốc tế	305
II. Những nội dung cơ bản của Luật Thương mại quốc tế.....	310
Phần thứ tư. ĐÀO TẠO LUẬT VÀ NGHỀ LUẬT Ở VIỆT NAM	317
Chương XII. ĐÀO TẠO LUẬT VÀ NGHỀ LUẬT Ở VIỆT NAM	317
I. Đào tạo luật.....	317
II. Các nghề luật cơ bản ở Việt Nam	318

ĐẠI CƯƠNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Chương I

NHỮNG KHÁI NIỆM CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC

I. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC

1. Các dấu hiệu đặc trưng của nhà nước

Trong đời sống xã hội, mỗi con người là một thực thể tự nhiên, độc lập, có ý chí và lợi ích khác nhau, nhưng con người không thể tồn tại ngoài xã hội, không thể tách mình ra khỏi cộng đồng mà phải liên kết với nhau, xác lập quan hệ với nhau nhằm đạt được những mục đích về vật chất, tinh thần. Lịch sử xã hội loài người đã từng biết đến những hình thái liên kết ấy. Nó có thể dựa trên các yếu tố tự nhiên như quan hệ huyết thống, gia đình; có thể dựa trên những nhu cầu về lợi ích vật chất như các phường hội của những người làm nghề buôn bán; có thể dựa trên những quan điểm chính trị như các đảng phái; hoặc các đặc trưng về nghề nghiệp như hội nhà văn, hội nhà báo... Nhưng một tổ chức có khả năng liên kết các cá nhân ở mức độ rộng lớn hơn về phạm vi, đa dạng hơn về lợi ích và có sức mạnh chi phối đến các tổ chức khác nhau để cộng đồng cùng tồn tại và phát triển, tổ chức đó là nhà nước.

Trong một quốc gia, cùng với sự tồn tại của nhà nước còn có các tổ chức chính trị (các đảng phái) hoặc các tổ chức chính trị – xã hội (ví dụ ở Việt Nam: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...). Nhưng trong đó, nhà nước đóng vai trò quan trọng. Nhà nước có khả năng tác động mạnh mẽ đối với toàn xã hội về mọi mặt từ kinh tế, chính trị, văn học, nghệ thuật, tôn giáo... đến các quyền tự do cá nhân của con người như quyền được sống, quyền được kết hôn... Sự tác động ấy của nhà nước trước hết nhằm ổn định xã hội, xác lập trật tự cần thiết để xã hội phát triển, hài hoà lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. So với các tổ chức khác trong một quốc gia, nhà nước có những dấu hiệu đặc trưng sau đây:

Thứ nhất: Sự tồn tại của nhà nước về không gian được xác định bởi yếu tố lãnh thổ

Lãnh thổ là một trong ba yếu tố tạo thành một quốc gia (lãnh thổ, dân cư và tổ chức chính quyền). Lãnh thổ của quốc gia gồm đất đai nằm trong biên giới, hải phận và không phận theo quy định của luật pháp quốc tế. Dân cư sinh sống trên lãnh thổ đó có quyền lựa chọn để tổ chức ra nhà nước của mình (tổ chức chính quyền). Theo đó, nhà nước đại diện cho nhân dân thực hiện chủ quyền trên toàn lãnh thổ và bảo vệ lãnh thổ trước sự xâm lược của các quốc gia khác.

Trong một quốc gia chỉ có một nhà nước, mặc dù có thể có nhiều đảng phái khác nhau bởi quan điểm chính trị, nhiều tổ chức chính trị – xã hội với những dấu hiệu khác nhau, như: về giới tính (Hội Liên hiệp Phụ nữ), về nghề nghiệp (Hội Nhà văn, Hội Nông dân)... Nhà nước phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính, đồng thời tổ chức chính quyền địa phương tương ứng với các đơn vị hành chính và quản lý hoạt động của dân cư sinh sống trên đơn vị hành chính đó. Mối liên hệ giữa một cá nhân với nhà nước được quy định bởi luật quốc tịch, không phụ thuộc vào chính kiến, nghề nghiệp, giới tính của họ và nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ công dân của mình.

Tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ ảnh hưởng trực tiếp đến sự giàu có của nhà nước. Chỉ nhà nước mới có quyền khai thác và phân phối lợi ích đó đến toàn thể dân chúng mà nhà nước là người đại diện. Các đảng phái hoặc các tổ chức khác được hình thành bởi những “nhóm dân cư” với những lợi ích khác nhau nên tính đại diện bị thu hẹp và bị kiểm soát bởi nhà nước.

Thứ hai: Nhà nước có quyền lực chính trị đặc biệt

Biểu hiện quyền lực chính trị của nhà nước là: Nhà nước thiết lập hệ thống các cơ quan nhà nước như Nghị viện (Quốc hội), Chính phủ, Tòa án, quân đội, cảnh sát, nhà tù, được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương. Để vận hành “bộ máy” này, nhà nước tuyển chọn các cá nhân trong số những cư dân trên lãnh thổ của mình theo những tiêu chí nhất định. Trong nhà nước phong kiến đó là những “quan lại”, ngày nay là “công chức, viên chức nhà nước”. Đây là bộ máy tách biệt khỏi hoạt động sản xuất, chuyên làm nhiệm vụ quản lý, điều hành xã hội trong khuôn khổ pháp luật (ví dụ: cấp giấy phép kinh doanh; kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá; cấp giấy phép lái xe...); cung cấp các dịch vụ công (ví dụ: giáo dục đào tạo, y tế, bảo hiểm xã hội...) hoặc thực hiện những hoạt động có tính cưỡng chế, trấn áp để đảm bảo trật tự xã hội như: xử phạt vi phạm an toàn giao thông, xét xử người phạm tội. Tầng lớp cán bộ, viên chức là những người không trực tiếp làm ra sản phẩm phục vụ xã hội, nhưng đời sống của họ được nhà nước đảm bảo bằng việc trả lương từ ngân sách nhà nước.